

NI GIỚI TRONG LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

TRỊNH THỊ DUNG^(*)

Ngay từ rất sớm, Phật giáo đã luôn hòa quyện, dung hợp với văn hóa, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, đạo đức và lối sống của người Việt Nam, luôn đồng hành cùng dân tộc góp phần tạo nên Phật giáo Việt Nam. Để làm được điều đó, trong suốt chiều dài lịch sử Phật giáo, phải kể đến công lao to lớn của các vị cao tăng lỗi lạc, uyên thâm kim cổ, tài đức vẹn toàn, nhập thế cứu đời, góp phần làm nên những trang sử vẻ vang cho dân tộc: tiêu biểu như Khuông Việt đại sư (thời Đinh, Tiền Lê), Quốc sư Vạn Hạnh (thời Lý), Quốc sư Trúc Lâm (thời Trần), Thiền sư Chân Nguyên, Hương Hải (thời Trịnh - Nguyễn), Hòa thượng Phúc Điền, Thanh Đàm (thời Pháp thuộc), Hòa thượng Giác Tiên, Phước Huệ đầu thế kỉ XX⁽¹⁾. Bên cạnh đó, các vị ni sư cũng có vai trò vô cùng quan trọng trong suốt tiến trình hình thành, tồn tại và phát triển của Phật giáo nước nhà.

Theo truyền thống Phật giáo, ni sư được gọi là Tỷ kheo ni. Tỷ kheo ni là một trong bốn thành phần của người Phật tử xuất gia và tại gia (tứ chúng). Tiếng Việt thường gọi tắt là Ni, và để chỉ các nữ tu sĩ Phật giáo gọi là Ni giới. Sự hình thành của Ni giới trong Phật giáo bắt đầu từ thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế. Người nữ có mặt đầu tiên trong giáo đoàn của Phật là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề, vốn là di Mẫu của Đức Phật. Lúc đầu, bà xin xuất gia, nhưng Đức Phật không chấp thuận, dù rằng bà xin đến ba lần

với tất cả tấm lòng tha thiết chân thành. Không nản lòng, bà cùng một số công nương quý tộc biểu lộ quyết tâm xuất gia bằng cách cạo tóc, mặc cà sa đi chân trần đến tịnh xá Phật đang trú ngụ cách kinh thành khá xa để cầu xin: “Vào một buổi sáng sớm, Ngài A Nan ra ngoài hồ lấy nước, tình cờ thấy một đoàn khất sĩ đang đứng đợi ở ngoài tịnh xá. Ngài vô cùng ngạc nhiên, nhìn kĩ mới nhận ra bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề và khoảng 50 phụ nữ thuộc tộc Thích Ca. Hỏi ra mới biết quyết tâm xuất gia của nhóm người nữ này. Họ không ngại đường xá xa xôi, dầu trần, không giấy dép đi bộ đến nỗi chân các cô đều sưng lên và rướm máu, đến xin Phật, chỉ với mục đích được chấp nhận vào giáo đoàn⁽²⁾. Cảm khái về tấm lòng cầu đạo của họ, Ngài A Nan trở vào bạch Phật và tha thiết cầu xin cho họ được xuất gia. Đức Phật vẫn không chấp thuận. Cuối cùng Ngài A Nan hỏi: “Nếu người nữ xuất gia trong giáo pháp của Phật và tu hành theo chính pháp thì có chứng được các Thánh quả không? Đức Phật trả lời được⁽³⁾. Thấy có hi vọng, Ngài

*. Thích Đàm Thanh, chùa Mía, Sơn Tây, Hà Nội.

1. Xem: *Bồ Đề Tân Thanh* - Nguyễn Đại Đồng. *Phật giáo Việt Nam (từ khởi nguyên đến 1981)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012.

2. Thích Nhật Chiêu. *Luật học đại cương*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007, tr. 269.

3. Theo Đức Phật, người nữ tu theo giáo lí hoàn toàn có thể được giải thoát và chứng đắc quả vị. Xem: Thích Minh Châu. *Kinh Bộ Tạng Chi III, Phẩm Gotami*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1988, tr. 114.

A Nan kể lại công ơn nuôi dưỡng của bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề nuôi nấng Phật từ lúc mới sinh ra, không khác gì một người mẹ đẻ⁽⁴⁾. Đức Phật vẫn lặng thinh. Nhưng với tấm lòng từ bi vô lượng, dù không muốn, Đức Phật vẫn mở một con đường bằng cách thiết lập Bát Kính pháp để tiếp nhận giới nữ xuất gia. Nhờ bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề mà người nữ có mặt trong hàng ngũ Tăng già, nên Ni chúng tôn bà là Sư tổ của mình. Người nữ xuất gia buổi đầu cũng như nam giới, trở thành Tỷ kheo ni ngay. Đặc biệt bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề khi tiếp nhận Bát Kính pháp thì đặc Giới cụ túc mà không thông qua nghi thức truyền giới nào. Về sau, cấp Sadi Ni được hình thành theo thời gian sau Sa di.

Sau đó, sự phát triển của Ni giới đã trở thành một trong những dữ kiện lịch sử xuyên suốt lịch sử Phật giáo trên thế giới, đặc biệt là ở Phật giáo Bắc truyền. Phật giáo Nam truyền, mà hiện nay là Theravada ở một số nước Đông Nam Á, cùng với Phật giáo Tây Tạng, không hình thành Ni giới. Phật giáo Việt Nam hiện tại gồm cả hai trường phái Bắc truyền và Nam truyền. Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được hình thành, bao gồm ba hệ phái chính là Bắc tông (Bắc truyền), Nam tông (Nam truyền) và Khất Sĩ, trong đó chỉ có hệ phái Bắc tông, Khất sĩ là có Ni giới.

Xét theo lịch sử, khi du nhập vào Việt Nam, cụ thể là người Việt, Phật giáo ngay từ đầu đã đề cao người phụ nữ và yếu tố nữ thần theo dấu vết của truyền thống mẫu hệ ở người Việt đương thời. Đây chính là nét khác biệt của Phật giáo Việt Nam so với các nước có truyền thống Phật giáo khác. Vì lẽ đó, Tỷ kheo ni và Ni giới xuất hiện và hình thành từ

rất sớm trong lịch sử Phật giáo nước ta. Các thần tích, ngọc phả cho biết từ đầu Công nguyên đã xuất hiện các nhà sư nữ như Ni sư Phương Dung ở chùa Yên Phú, Thanh Trì, Hà Nội, các nữ Phật tử là tướng của Hai Bà Trưng mà tiêu biểu là Bát Nàn tướng quân...

Ni sư Phương Dung là người dựng chùa Thanh Vân (Yên Phú ngày nay), quê làng Lưu Xá, huyện Thư Hiền, phủ Nghĩa Hưng, đạo Sơn Nam Hạ. Theo truyền thuyết, năm 41, khi Hai Bà Trưng nổi dậy đánh Tô Định, theo lời kêu gọi, Ni sư cùng hai vị đệ tử là Trung Vũ và Đàm Liệu đi đánh giặc, giải phóng đất nước. Sau khi thắng lợi, Hai Bà Trưng xưng vương, ban cho Ni sư Phương Dung là Quốc Mẫu⁽⁵⁾, hai vị đệ tử là Quốc Vương và 300 mẫu đất nay là thôn Yên Phú. Sau đó Ni sư Phương Dung xin Hai Bà Trưng cho lập Am (còn gọi là Chùa) để phụng thờ Đức Phật. Sau khi lập chùa Thanh Vân, Ni sư Phương Dung đã sớm tối tu hành, nuôi dưỡng đệ tử và hoằng dương chính pháp.

Bát Nàn là công chúa, cũng gọi là Bát Nạ, có sách chép là Bát Nào. Theo truyền thuyết và thần tích làng Tiên La, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình, cùng thần tích thờ miếu ở xã Phương Lâu, huyện Phù Ninh, nay thuộc Vĩnh Phú, Bát Nàn công chúa là vị anh hùng thời Trưng Vương. Khi Hai Bà Trưng lãnh đạo quân dân toàn quận phát động cuộc khởi nghĩa, bà theo giúp cùng với nữ tướng Lê Chân

4. Thích Nhật Chiêu. *Luật học đại cương*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007, tr. 270.

5. Xem: Nguyễn Văn Quý. *Nhà sư Phương Dung - Lịch sử, truyền thuyết và giá trị truyền thống*, Kì yếu Hội thảo chùa Yên Phú - Lịch sử và hiện tại, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Ban Quản lý di tích và danh thắng, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội và chùa Yên Phú tổ chức năm 2009, tr. 104 - 111.

thống lãnh quân tiên phong. Cứu quốc thành công, nhà nước độc lập, Trưng Vương phong bà làm Bát Nàn đại tướng quân Trinh thực công chúa. Bà từ chối tước lộc, trở lại chùa làng Tiên La ẩn tu. Và ngôi chùa mà bà ở tu, sách chép là chùa Nam Liên ở trên núi, nên tục cũng gọi bà là sư nữ Nam Liên.

Từ thế kỉ X đến nửa cuối thế kỉ XIX, Ni giới trong lịch sử Phật giáo Việt Nam tuy hiếm hoi nhưng họ đã luôn khẳng định được vị trí của mình trong đời sống giữa đạo và đời của xã hội. Chính sử còn ghi một vị sư nữ có địa vị rất cao trong bộ máy nhà nước là Trương Ma Ni được vua Đinh Tiên Hoàng phong giữ chức Tăng Lục⁽⁶⁾, một chức vị chuyên về ghi chép, có thể là ghi chép trong Phật giáo, nhưng đồng thời cũng là ghi chép việc triều chính. Dưới thời Lý - Trần, tiêu biểu là Ni sư Diệu Nhân thời Lý và Tuệ Thông thời Trần.

Ni sư Diệu Nhân (1041- 1113) tên là Ngọc Kiều, là trưởng nữ của Phụng Càn Vương. Thuở nhỏ bà thiện tư thuần hậu, ngôn hạnh đoan trang, được vua Lý Thánh Tông nuôi trong cung. Bà là người phụ nữ luôn đề cao tư tưởng thiện đức, thích được làm việc thiện như bố thí. Vì vậy, khi xuất gia, Bà đến gặp Thiền sư Chân Không ở làng Phù Đổng xin thọ giới Bồ Tát và học hỏi tâm yếu. Thiền sư Chân Không đặt cho bà pháp danh Diệu Nhân và dạy trụ trì Ni viện Hương Hải ở làng Phù Đổng, Tiên Du⁽⁷⁾.

Như vậy, có thể thấy rằng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khởi thủy đến nửa cuối thế kỉ XIX, bên cạnh sự hưng thịnh hay suy yếu của giới Tăng sĩ, hình bóng của các vị ni sư rất nhạt nhòa. Bởi, trong một xã hội chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng phong kiến phương Bắc, sự khát

khe đối với phụ nữ của xã hội mang nặng dấu ấn trọng nam khinh nữ của văn hóa Nho giáo, làm cho cộng đồng Ni giới trong suốt chiều dài lịch sử Phật giáo không thể phát triển được. Từ thập niên 80 của thế kỉ XIX trở đi, với sự xuất hiện của một số vị sư ni trụ trì các chùa ở các tỉnh Miền Bắc và Miền Trung và đến đầu thế kỉ XX, Ni đoàn dần được khôi phục. Ở Miền Bắc xuất hiện các sơn môn Ni như: Sơn môn Am, ở phố Hàng Than, Hà Nội, Sơn môn Sùng Khoang tỉnh Hà Đông, Sơn môn Trung Hậu huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc nay là Hà Nội⁽⁸⁾. Đây là những tiền đề cơ sở để đến đầu thế kỉ XX, các ni sư Việt Nam xuất hiện ngày càng nhiều và bắt đầu tìm cho mình chỗ đứng trong xã hội. Họ đã có những đóng góp nhất định, từ tham gia tổ chức giáo dục, xây dựng chùa chiền, hoằng pháp đến hoạt động xã hội và tham gia phong trào đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.

Có thể kể đến những vị ni sư tiêu biểu cả ba miền như ở Miền Bắc, Ni trưởng Đàm Thu (1885-1967), Đàm Soạn (1886-1968), Đàm Tín (1899-1982) và Huệ Tâm (1911-1936)... Ni trưởng Đàm Thu không chỉ là ni sư tinh thông đạo học mà bà còn là chí sĩ cách mạng yêu nước. “Thời kháng chiến chống Pháp, Ni trưởng tham gia kí tên kêu gọi thực dân Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam. Ni trưởng từng làm Thập sư Ni truyền giới, giảng dạy tại các trường hạ và tổ chức các

6. Xem: *Bồ Đề Tân Thanh* - Nguyễn Đại Đồng. *Phật giáo Việt Nam (Từ khởi nguyên đến 1981)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 242 -243.

7. Xem: Thích Thanh Từ. *Thiền sư Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 173.

8. Xem: *Bồ Đề Tân Thanh* - Nguyễn Đại Đồng. *Phật giáo Việt Nam (Từ khởi nguyên đến 1981)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 242 -243.

khóa hạ an cư⁽⁹⁾. Ngoài ra, còn nhiều tấm gương ni giới tiêu biểu có nhiều đóng góp cho tổ quốc và cho lịch sử Phật giáo như: Liệt sĩ Ni sư Thích Đàm Hiền (Hà Nội), Bà mẹ Việt Nam Anh hùng Ni sư Thích Đàm Thái, Ni trưởng Đàm Tâm, Đàm Mùi (Hà Nội)...⁽¹⁰⁾

Ở Miền Trung, những ni sư tiêu biểu đầu tiên đều xuất thân từ tầng lớp thượng lưu và tập trung ở Huế. Có thể kể đến: Ni sư Diên Trường (1863-1925), Ni sư Diệu Hương (1884-1971), Ni trưởng Diệu Không (1905-1997)... Họ là những vị sư lỗi lạc và thông tuệ. Ni sư Diên Trường là “vị nữ lưu cũng như Tỳ kheo Ni đầu tiên làm tiên phong cho Ni giới Trung Bộ. Bà có công khai sáng chùa Trúc Lâm nơi khởi điểm cho Phong trào Chấn hưng Phật giáo Miền Trung”⁽¹¹⁾.

Còn Ni trưởng Diệu Không là người thông minh và trí tuệ: “Không chỉ là cây bút nữ viết nhiều bài nhất trên tạp chí Viên Âm - cơ quan hoàng pháp của Hội An Nam Phật học, Ni trưởng còn là một dịch giả sử dụng thành thạo tiếng Pháp, chữ Hán và tiếng Pali với các dịch phẩm: *Thành duy thức luận*, *Du giả sư địa luận*, *Lãng giá tạng ấn*, *Đại trí độ luận*, *Trung quán luận lược giải* (Long Thọ Bồ Tát), *Hiển thật luận* (Thái Hư Đại Sư)”⁽¹²⁾...

Trong khi ni sư Miền Trung, phụ nữ xuất gia chủ yếu là con nhà danh gia vọng tộc thuộc tầng lớp trên thì ở Miền Nam, đặc biệt hơn là miền Tây Nam Bộ, phụ nữ xuất thân từ tầng lớp thấp hơn, mạnh dạn vượt qua quan niệm cũ, nếp sống cũ, dấn thân vào con đường tu hành để tìm đường giác ngộ cho mình và mọi người. Có thể kể đến các ni sư Ni sư Diệu Thiện (1818-1899), Ni sư Diệu Ngọc (1885-1951) và Ni sư Diệu Tịnh (1910-1942). Ni sư Diệu Ngọc là người đặt nền móng, “bước

ngoặt đầu tiên trong mở trường học để đào tạo Ni chúng, nhằm xây dựng phong trào tu hành cho nữ giới”⁽¹³⁾. Tiếp nối truyền thống đó, Ni sư Diệu Tánh, Diệu Tấn, Diệu Tịnh là những vị ni sư tiên phong trong lĩnh vực giáo dục. “Họ là những người đầu tiên hướng ra Bắc tìm đường học đạo, mong tích lũy kiến thức Phật học để góp phần xây dựng phong trào tu hành cho Ni giới Miền Nam. Chính nhờ những chuyến đi tầm sư học đạo như thế mà họ đã nhận thức được trách nhiệm của mình đối với Ni giới”⁽¹⁴⁾.

Vai trò và lịch sử cộng đồng Phật giáo thế giới về người phụ nữ đang được phát huy tích cực nhằm tạo cho giới nữ xuất gia có trách nhiệm và nghĩa vụ trước cộng đồng xã hội cũng như tổ chức Phật giáo. Riêng ở Việt Nam do hoàn cảnh lịch sử mà hơn 30 năm qua việc giao cho Ni giới có một đặt trách riêng chưa thể thực hiện ...

Như vậy, có thể thấy rằng, trong suốt tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam, từ khởi nguyên cho đến hiện nay, giai đoạn phát triển của Ni giới, nhất là giai đoạn từ khi thành lập Giáo hội Phật

9. Xem: Tỳ Kheo Ni Như Thức. *Lược sử Ni giới Bắc tông Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2000, tr. 17.

10. Nguyễn Thị Thành. *Vai trò của Ni giới trong quá trình phát triển Phật giáo Thủ đô* (1981-2011), Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12/2011, tr. 30-34.

11. Xem: *Bồ Đề Tân Thanh* - Nguyễn Đại Đồng. *Phật giáo Việt Nam (Từ khởi nguyên đến 1981)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2012, tr. 250.

12. Xem: *Bồ Đề Tân Thanh* - Nguyễn Đại Đồng. *Phật giáo Việt Nam (Từ khởi nguyên đến 1981)*, Sđd, tr. 252.

13. Xem: *Bồ Đề Tân Thanh* - Nguyễn Đại Đồng. *Phật giáo Việt Nam (Từ khởi nguyên đến 1981)*, Sđd, tr. 253.

14. Xem: *Bồ Đề Tân Thanh* - Nguyễn Đại Đồng. *Phật giáo Việt Nam (Từ khởi nguyên đến 1981)*, Sđd, tr. 253.

giáo Việt Nam từ năm 1981 cho đến nay, trải qua nhiều nhiệm kỳ, dù các hoạt động của Ni giới Việt Nam luôn luôn có mặt trong cộng đồng Tăng già nhưng chưa thể hiện được vai trò chủ động trong lòng Giáo hội và trong xã hội Việt Nam. Ở nhiệm kỳ V, Sư bà Từ Vân (Thích Nữ Như Huy) tha thiết mong muốn chư Ni có một tổ chức Ni giới. Sư bà đã đích thân di vận động cầu thỉnh chư vị lãnh đạo Giáo hội bằng nhiều phương cách và đã phát biểu trong Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc tại Hà Nội để cho đến nay ước mong của Sư Bà Như Huy nói riêng và các vị trưởng lão Ni Việt Nam mới thành hiện thực.

Trong xu thế ngày nay, cuộc sống hiện đại đòi hỏi vai trò và lịch sử cộng đồng Phật giáo thế giới về người phụ nữ phải được phát huy tích cực nhằm tạo cho giới nữ xuất gia có trách nhiệm và nghĩa vụ trước cộng đồng xã hội cũng như tổ chức Phật giáo. Riêng ở Việt Nam do hoàn cảnh lịch sử mà hơn 30 năm qua việc giao cho Ni giới có một đặc trách riêng chưa thể thực hiện được do nhiều yếu tố nhưng có lẽ theo tôi yếu tố nhân sự lãnh đạo Ni chúng là trọng tâm nhất.

Đối với Phật giáo, Chư Ni vẫn chịu áp lực của cộng đồng Tăng già vì tinh thần Bát Kính pháp từ thời kỳ Đức Phật còn tại thế đã quy định. Dù có người cho rằng cần phải nhìn lại vấn đề Bát Kính

pháp nhưng vấn đề này cho thấy ngay cả đa phần các vị ni trưởng và các bậc tôn túc trưởng lão lãnh đạo Giáo hội cũng không đồng thuận.

Ở đây không phải là chỉ trong phạm vi phụ nữ trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng trong giai đoạn xã hội đề cao quyền “bình đẳng nam nữ”. Nhưng đây là trong lĩnh vực tôn giáo bao hàm suốt quá trình lịch sử từ khi Ni giới có mặt trong hàng ngũ xuất gia, được quy định bởi Giới luật mà Đức Phật cùng các vị tổ sư tiếp nối duy trì mạng mạch của Phật pháp. Ni giới Việt Nam hãy gạt qua tất cả những điều dư luận trong Phật giáo hiện nay về vấn đề “Bát Kính” mà phải đặt trong bối cảnh Ni giới phải có vai trò, nhiệm vụ phát huy tính tích cực góp phần cùng với Giáo hội trong việc truyền bá chính pháp của Phật trước vấn nạn của đời sống xã hội hiện nay. Sự ra đời của Phân ban đặc trách Ni giới Trung ương và các địa phương cho thấy những hoạt động và sinh hoạt Phật giáo của Ni giới Việt Nam ngày càng có tổ chức và hoàn thiện. Lịch sử Chư Ni Việt Nam đang chờ đợi người xuất gia nữ phải thể hiện vai trò mà lịch sử Phật giáo Việt Nam giao phó nhằm hoàn chỉnh về nội tình cũng như những động thái tích cực hoạt động trong giai đoạn mới của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và xã hội Việt Nam./